

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2023/HC-PT

Ngày: 15 - 5 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý Nhà nước về đất đai thuộc
trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu
hồi đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 181/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 148/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 786/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Tuyết A, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C1, xã C2, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Lô L109-111, đường 30/4, khu phố 1, phường C3, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Quang H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T1, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q (vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Quốc T2 - Trưởng ban bồi thường hỗ trợ tái định cư thành phố Q (có mặt);

Cùng địa chỉ: số 04, đường 30/4, khu phố 2, phường C3, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Để thực hiện dự án Khu đô thị cao cấp Đại Thành tại phường A1, thành phố Q. Ngày 29/12/2021, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố Q ban hành Quyết định số 6785/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Tuyết A với diện tích 5.000,07m² và Quyết định số 6784/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị Tuyết A với diện tích 265,30m² tọa lạc tại khu phố 7, phường A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 10/01/2022, UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A. Quyết định không bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi.

Bà A không đồng ý với Quyết định hỗ trợ trên nên bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định pháp luật. Đồng thời hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A.

Bà A cho rằng nguồn gốc đất diện tích 5.265,37m² là do ông Nguyễn Văn T3 khai khẩn sử dụng từ năm 1997 để trồng hoa màu, đến năm 2000 trồng tràm bông vàng. Đến năm 2003, ông T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S toàn bộ diện tích 14.000m², ông S tiếp tục lên líp trồng thêm tràm bông vàng. Ông S sử dụng đến 2015 thì chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M diện tích 5.000m² và trong năm 2015 thì ông M chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị Tuyết A sử dụng đến khi nhà nước thu hồi đất.

Vào năm 2016, ông Nguyễn Văn S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông S và phần diện tích đất chuyển nhượng cho bà A tại UBND thị trấn A1. Quá trình đo đạc và xét duyệt nguồn gốc của UBND thị trấn A1 thì đất ông S có tổng diện tích 12.976,5m², tại khu phố 4 (nay là khu phố 7), thị trấn (nay là phường) A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong diện tích đất 12.976,5m² của ông S có cả phần đất 5.265,37m² của bà A bị thu hồi.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND, ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A và buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà khi thu hồi đất đối với diện tích 5.265,37m² tại khu phố 7, phường A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Ủy ban nhân dân thành phố Q vắng mặt xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 148/2022/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết A.

- Hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 5.265,37m² tại khu phố 7, phường A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang do bà Phạm Thị Tuyết A sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Phạm Thị Tuyết A đối với tổng diện tích đất bị thu hồi 5.265,37m² tại khu phố 7, phường A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết A, giữ nguyên Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Trương Quốc T2 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết A về yêu cầu hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, cây trồng trên đất thu hồi và buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Phạm Thị Tuyết A đối với diện tích đất bị thu hồi 5.265,37m². Với các lý do: Nguồn gốc đất của hộ bà A bị thu hồi là do rừng quốc gia quản lý, ông Nguyễn Văn T3 sử dụng năm 2004, rồi chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn S. Theo bản án sơ thẩm thể hiện trường hợp ông S đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, hiện nay hồ sơ cấp giấy của ông S không đủ điều kiện pháp lý. Do đó, UBND thành phố Q hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A là đúng qui định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, xét nguồn gốc phần đất diện tích 5.265,37m² bà A bị thu hồi, căn cứ lời khai của ông Nguyễn Văn T3 (người khai khẩn đất từ năm 1998) tại biên bản làm việc ngày 21/01/2021, lời khai của ông Nguyễn Quốc S1 (người cùng địa phương) tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2022, lời khai của ông Nguyễn Văn S (người chuyển nhượng đất cho ông M) tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2021, lời khai của ông Phạm Văn M tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2022 và lời khai của ông Huỳnh Văn B (là người cùng sinh sống tại địa phương) tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2022 đều thể hiện: Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T3 khai khẩn từ năm 1998, ngày 25/10/2005, chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn S theo Giấy tay chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 25/10/2005. Ngày 03/8/2015, ông S chuyển nhượng lại cho ông Phạm Văn M theo Tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 03/8/2015. Ngày 01/9/2015, ông M chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị Tuyết A theo Tờ chuyển nhượng đất nông nghiệp ngày 01/9/2015.

Mặt khác, tại Biên bản xét duyệt hồ sơ đất đai số 03/BB-XDHS ngày 25/8/2016 của Hội đồng tư vấn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thị trấn A1 thể hiện: “Hội đồng thống nhất 100% đủ điều kiện trình UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Tại Công văn số 176/CV-UBND ngày 11/7/2022 của UBND phường A1 xác định: Diện tích 5.007m² của bà A bị thu hồi theo Quyết định số 6785, nằm trong diện tích 12.976,5m² của ông S tại Khu phố 4 (nay là Khu phố 7), thị trấn (nay là phường) A1, thành phố Q theo Biên bản số 03.

Từ các căn cứ nêu trên và quá trình sử dụng không ai tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt về hành vi vi phạm đất đai. Nên căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 thì trường hợp sử dụng đất của bà A đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Do đó, việc UBND thành phố Q thu hồi đất của bà A nhưng chỉ hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà A mà không bồi thường về đất cho bà A là không đúng với quy định của pháp luật.

Vì vậy, việc bản án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người bị kiện không xuất trình được các tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của UBND thành phố Q, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Q; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện bà Phạm Thị Tuyết A, người bị kiện UBND thành phố Q có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Lê Quốc T1, Phó Chủ tịch UBND thành phố Q, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Tuyết A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây

trồng cho bà A và buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và còn thời hiệu theo quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Phần đất diện tích 5.265,37m² mà bà Phạm Thị Tuyết A bị thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T3 khai khẩn để trồng hoa màu từ năm 1997, đến năm 2000, ông T3 chuyển sang trồng tràm bông vàng. Năm 2003, ông T3 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S toàn bộ diện tích 14.000m² đất mà ông đã khai khẩn. Ông S tiếp tục lên líp trồng thêm tràm bông vàng, sử dụng đến năm 2015 thì chuyển nhượng cho ông Phạm Văn M diện tích 5.000m² (đo thực tế 5.265,37m²) và trong năm 2015, ông M chuyển nhượng lại cho bà Phạm Thị Tuyết A sử dụng đến khi nhà nước thu hồi đất.

Năm 2016, ông Nguyễn Văn S làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của ông S tại UBND thị trấn A1 (trong đó kê khai cả phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho bà A, do hai bên thỏa thuận khi nào đăng ký sang tên ông S xong sẽ chuyển lại cho bà A phần đất đã chuyển nhượng). Quá trình đo đạc và xét duyệt nguồn gốc đất của UBND thị trấn A1 thì đất ông S có tổng diện tích 12.976,5m² (trong đó có bao gồm cả 5.265,37m² đất của bà A) tại khu phố 4 (nay là khu phố 7), thị trấn (nay là phường) A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”*.

Tại Công văn số 176/CV-UBND ngày 11/7/2022 của Ủy ban nhân dân phường A1 xác định: Diện tích 5.007m² của bà Phạm Thị Tuyết A bị thu hồi theo quyết định số 6785/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Q, nằm trong diện tích 12.976,5m² của ông Nguyễn Văn S tại khu phố 4 (nay là khu phố 7), thị trấn (nay là phường) A1, thành phố Q theo Biên bản số 03/BB-XDHS ngày 25/8/2016 của UBND thị trấn A1 về việc xét duyệt hồ sơ

đất đai của Hội đồng tư vấn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời xác định đất ông S có quá trình từ ông T3 sử dụng từ năm 1998, đến 2003 chuyển nhượng lại cho ông S sử dụng.

Mặt khác, căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Văn T3 tại Biên bản làm việc ngày 21/01/2021 của Ban Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Q (Bút lục số 18, 19), phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Quốc S1 (Bút lục số 44), ông Nguyễn Văn S, ông Phạm Văn M là những người bán đất cho bà A (Bút lục số 47, 48), ông Huỳnh Văn B là người sinh sống lâu năm tại ấp 4 (nay là khu phố 7), phường A1 (Bút lục số 46), lời khai của ông Trần Văn Huê là trưởng khu phố 4 (Bút lục số 45) đều xác định bà Phạm Thị Tuyết A nhận chuyển nhượng phần đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T3 khai khẩn từ năm 1997. Phần đất này nằm trong phần đất ông Nguyễn Văn S đăng ký và được xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2016.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có căn cứ xác định diện tích 5.265,37m² đất của bà Phạm Thị Tuyết A bị thu hồi có nguồn gốc sử dụng từ năm 1997 (trước ngày 01/7/2004), Ủy ban nhân dân thị trấn A1 xét duyệt đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, với mục đích sử dụng là đất vườn trồng cây lâu năm (tràm bông vàng), thuộc nhóm đất nông nghiệp.

[2.2] Về điều kiện để được bồi thường khi thu hồi đất:

Như đã phân tích ở trên, diện tích 5.265,37m² đất bị thu hồi của bà Phạm Thị Tuyết A có nguồn gốc sử dụng từ năm 1997 (trước ngày 01/7/2004). Quá trình sử dụng đất, bà Phạm Thị Tuyết A sử dụng công khai, ngay tình, không có tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Đồng thời, bà A là hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp. Do đó, hộ bà Phạm Thị Tuyết A thuộc đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện được bồi thường, hỗ trợ về đất khi thu hồi theo quy định tại Điều 74, khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, UBND thành phố Q thu hồi diện tích 5.265,37m² đất của bà Phạm Thị Tuyết A nhưng không bồi thường về đất cho bà A là trái với quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết A, hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A; Buộc UBND thành phố Q ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho bà Phạm Thị Tuyết A đối với diện tích đất bị thu hồi 5.265,37m², theo đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện, UBND thành phố Q phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Tuyết A.

- Hủy Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Q về việc hỗ trợ đất đai, bồi thường cây trồng cho bà Phạm Thị Tuyết A;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 5.265,37m² đất tại khu phố 7, phường A1, thành phố Q, tỉnh Kiên Giang do bà Phạm Thị Tuyết A sử dụng.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Người bị kiện, Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Kiên Giang phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004113 ngày 30/11/2022 (do ông Tô Hoàng Thông nộp) của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Trần Thị Thúy Hồng

Trần Thị Hòa Hiệp